

**CTCP QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 06 /2025/CBTT-LHC

V/v: CBTT Báo cáo tài chính năm 2024
đã được kiểm toán và Giải trình
nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế
năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- Công ty: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
- Trụ sở chính: Tầng 5, Số 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM
- Điện thoại: (8428) 73017786
- Fax: (8428) 73022268
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Thư
- Chức vụ: Phó Bộ phận Kiểm soát nội bộ
- Địa chỉ: Tầng 5, Số 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (8428) 73017786
- Fax: (8428) 73022268

Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse công bố Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và Công văn giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế năm 2024 so với cùng kỳ năm trước.

Thông tin nêu trên đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:
<https://lighthousecapital.com.vn/gioi-thieu#quan-he-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Thanh Thư

Số: 5a /2025/CV-LHC

V/v: Giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế năm 2024 so với cùng kỳ năm trước.

Tp.HCM, ngày 24... tháng 02... năm 2025.

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2024 của công ty được nêu trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024;

Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse xin báo cáo và giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau:

1. Biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024:

CHỈ TIÊU	Năm		TĂNG/GIẢM	TỶ LỆ
	2024	2023		
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	1.557.357.678	639.117.273	918.240.405	144%
Chi phí hoạt động kinh doanh		50.435.000	-50.435.000	-100%
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	1.557.357.678	588.682.273	968.675.405	165%
Doanh thu hoạt động tài chính	10.084.336.903	8.754.959.107	1.329.377.796	15%
Chi phí tài chính	85.705.367	68.780.055	16.925.312	25%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.962.743.683	7.774.033.525	2.188.710.158	28%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.593.245.531	1.500.827.800	92.417.731	6%
Lợi nhuận khác	1.738.284	52.065.144	-50.326.860	-97%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.594.983.815	1.552.892.944	42.090.871	3%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	330.221.529	328.036.448	2.185.081	1%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.264.762.286	1.224.856.496	39.905.790	3%

2. Nguyên nhân biến động lợi nhuận:

- Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh trong năm 2024 phát sinh tăng hơn 918 triệu so với cùng kỳ năm ngoái. Lý do năm 2024 Công ty tăng thu phí từ nghiệp vụ Quản lý Quỹ và Quản lý danh mục đầu tư của khách hàng.
- Doanh thu hoạt động tài chính thực hiện trong năm 2024 tăng hơn 1,3 tỷ (tương đương 15%) so với cùng kỳ năm trước do thị trường chứng khoán năm 2024 thuận lợi so với năm 2023 dẫn đến Công ty gia tăng thực hiện giao dịch đầu tư chứng khoán ngắn hạn trong kỳ.

- Chi phí tài chính thực hiện trong năm 2024 tăng gần 17 triệu (tương đương 25%) so với cùng kỳ năm trước. Lý do năm 2024 Công ty tích cực bán các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn có tỷ suất sinh lời cao hơn so với năm 2023.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp thực hiện trong năm 2024 tăng gần 2,2 tỷ (tương đương 28%) so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân do Công ty tăng thêm nhân sự phục vụ cho nghiệp vụ quản lý Quỹ đầu tư và Quản lý danh mục đầu tư;

Vì các nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 tăng gần 40 triệu (tương đương 3%) so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là giải trình về biến động lợi nhuận trên Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse, xin báo cáo để Ủy Ban Chứng Khoán được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu công ty.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Lê Đình Quang





Báo cáo tài chính
đã được kiểm toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31/12/2024
đã được kiểm toán

Đơn vị kiểm toán :

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 38.205.944 - Fax: (028) 38.205.942

Website: www.aascs.com.vn

E-mail: info@aascs.com.vn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM.

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty	03 - 04
Báo cáo Kiểm toán độc lập	05 - 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	07 - 10
- Kết quả hoạt động kinh doanh	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13
- Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 28

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse tiền thân là Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông. Công ty hoạt động theo Giấy phép số 14/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28/12/2006, các Giấy phép điều chỉnh tại từng thời điểm, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK ngày 14/09/2023 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304772590 điều chỉnh lần thứ 12 ngày 28/09/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE
Tên tiếng Anh	: Lighthouse Fund Management Joint Stock Company
Tên Công ty viết tắt	: Lighthouse FM
Trụ sở chính	: Tầng 5, Số 65 Phạm Ngọc Thạch, P.Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh.
Vốn điều lệ	: 35.000.000.000 đồng. Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng.
Nghịệp vụ kinh doanh	: - Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán - Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán - Tư vấn đầu tư chứng khoán
Người đại diện pháp luật	: Nguyễn Lê Đình Quang - Tổng Giám đốc

Tình hình kinh doanh của Công ty

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Bộ phận Kiểm soát:

Họ tên	Chức danh	Quyết định bổ nhiệm	Ngày bổ nhiệm
--------	-----------	---------------------	---------------

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

- Ông Nguyễn Công Hiệp	Chủ tịch	03/2024/NQ-HĐQT	17/04/2024
- Ông Hồ Hoàng Lâm	Thành viên	02/2021/NQ-ĐHĐCĐ	04/06/2021
- Ông Nguyễn Lê Đình Quang	Thành viên	01/2021/NQ-ĐHĐCĐ	29/01/2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

- Ông Nguyễn Lê Đình Quang	Tổng Giám đốc	13/2021/QĐ-HĐQT	26/05/2021
- Bà Bùi Thuý Hoà	Kế toán trưởng	03/2023/QĐ-HĐQT	16/06/2023

Người Đại diện theo pháp luật

- Ông Nguyễn Lê Đình Quang	Tổng Giám đốc	13/2021/QĐ-HĐQT	26/05/2021
----------------------------	---------------	-----------------	------------

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng được tuân thủ đầy đủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2025

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC


NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG
TỔNG GIÁM ĐỐC

Số : 61.... /BCKT/TC/2025/AASCS**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse, được lập ngày 24 tháng 02 năm 2025, từ trang 07 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2025

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM AASCS
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN VŨ

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0699-2023-142-1

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN TUẤN ĐẠT

Giấy CN ĐKHN KTV số: 2669-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A . TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	100		36.798.222.335	36.910.061.507
I. Tiền và tương đương tiền	110	V.01.	6.505.251.491	1.608.748.565
1. Tiền	111		6.505.251.491	1.608.748.565
2. Tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư ngắn hạn	120	V.02.	29.588.993.947	35.113.846.586
1. Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		29.588.993.947	35.113.846.586
2. Dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	V.03.	592.737.584	52.724.748
1. Phải thu khách hàng	131		80.250.000	-
2. Trả trước cho người bán	132		10.000.000	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		498.447.054	52.724.748
5. Các khoản phải thu khác	135		4.040.530	-
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.04.	111.239.313	134.741.608
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		111.239.313	125.741.608
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	9.000.000

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	200		3.306.078.871	1.826.584.922
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.098.661.180	1.349.665.401
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06.	89.228.477	148.777.757
- Nguyên giá	222		297.746.500	297.746.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(208.518.023)	(148.968.743)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07.	1.009.432.703	1.200.887.644
- Nguyên giá	228		1.764.500.000	1.618.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(755.067.297)	(417.612.356)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		40.000.000	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.167.417.691	476.919.521
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05.	79.797.691	289.299.521
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263	V.08.	2.087.620.000	187.620.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		40.104.301.206	38.736.646.429

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A . NỢ PHẢI TRẢ	300		780.299.200	581.921.059
I. Nợ ngắn hạn	310		780.299.200	581.921.059
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.09.	-	48.802
3. Người mua trả trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.	266.373.844	260.318.380
5. Phải trả người lao động	315		406.503.466	176.160.000
6. Chi phí phải trả	316	V.11.	36.763.818	80.505.335
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả, phải nộp khác	319	V.12.	23.869.856	18.100.325
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		46.788.216	46.788.217
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
II. Nợ dài hạn	340		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.13.	39.324.002.006	38.154.725.370
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		133.006.116	133.006.116
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		4.190.995.890	3.021.719.254
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		40.104.301.206	38.736.646.429

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	1		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	2		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	3		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	4		-	-
5. Ngoại tệ các loại	5		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	6	V.02	23.993.120.000	28.402.770.000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	7		23.993.120.000	28.402.770.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	8		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	9		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	10		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	11		-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	12		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	13		-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	14		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	15		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	20		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	30		1.196.845	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	31		1.196.845	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	32		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	40	V.10	28.350.000.000	-
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	41		28.350.000.000	-
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	42		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	50		-	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	51		243.265.587	-

Người lập bảng



Bùi Thuý Hoà

Kế toán trưởng



Bùi Thuý Hoà

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lê Đình Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01		1.557.357.678	639.117.273
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10	VI.01.	1.557.357.678	639.117.273
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.02.	-	50.435.000
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20		1.557.357.678	588.682.273
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03.	10.084.336.903	8.754.959.107
7. Chi phí tài chính	22	VI.04.	85.705.367	68.780.055
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05.	9.962.743.683	7.774.033.525
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.593.245.531	1.500.827.800
10. Thu nhập khác	31	VI.06.	13.580.236	154.803.428
11. Chi phí khác	32	VI.07.	11.841.952	102.738.284
12. Lợi nhuận khác	40		1.738.284	52.065.144
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.594.983.815	1.552.892.944
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08.	330.221.529	328.036.448
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.264.762.286	1.224.856.496
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09.	361	315

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thuý Hoà



Bùi Thuý Hoà



Nguyễn Lê Đình Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.111.635.372	989.961.158
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(1.422.775.360)	(648.740.458)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.754.307.374)	(3.243.282.171)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(272.900.715)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	478.162.174	695.661.507
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(3.046.527.191)	(1.352.480.830)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.633.812.379)	(3.831.781.509)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(146.000.000)	(234.681.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	52.095.144
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.419.727.431)	(39.479.848.019)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	21.090.710.000	33.754.915.000
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.332.736	22.594.945
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12.530.315.305	(5.884.924.748)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	10.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	10.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.896.502.926	283.293.743
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.608.748.565	1.325.454.822
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6.505.251.491	1.608.748.565

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Bùi Thuý Hoà

Bùi Thuý Hoà



Nguyễn Lê Đình Quang

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

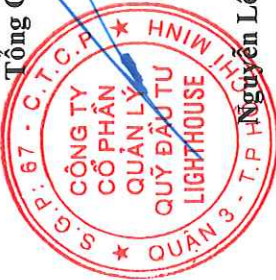
	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25.000.000.000	35.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	35.000.000.000	35.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	133.006.116	133.006.116	-	-	-	-	133.006.116	133.006.116
10. Lợi nhuận chưa phân phối	1.833.862.345	3.021.719.254	1.224.856.496	(36.999.587)	1.264.762.286	(95.485.650)	3.021.719.254	4.190.995.890
Cộng	26.966.868.461	38.154.725.370	11.224.856.496	(36.999.587)	1.264.762.286	(95.485.650)	38.154.725.370	39.324.002.006

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Tp Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Bùi Thuý Hoà

Bùi Thuý Hoà

Nguyễn Lê Đình Quang



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Quản lý Quỹ, dịch vụ tài chính
3. Ngành nghề kinh doanh :
 - Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán
 - Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán
4. Tổng số nhân viên : 19 người
Trong đó:
 - Nhân viên quản lý : 01 người
 - Nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán : 11 người

II. KỲ KẾ TOÁN ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản, thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao áp dụng và các trường hợp khấu hao đặc biệt: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền".
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

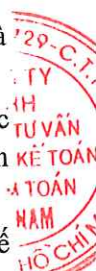
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
 - Chi phí cho vay và đi vay vốn;
 - Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
 - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các khoản mục không có số dư: Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 6/9/2011 và thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6/10/2014 do Bộ Tài Chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh: Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	150.072.336	84.120.009
- Tiền gửi ngân hàng	500.723.621	243.090.890
+ NH TMCP ĐT và PT VN - CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa	495.342.715	238.687.772
+ NH TMCP Nam Á - CN Hàm Nghi	5.380.906	4.403.118
- Tiền tại công ty chứng khoán	5.854.455.534	1.281.537.666
+ CTCP Chứng khoán Bảo Minh	5.854.455.534	1.281.537.666
Cộng	6.505.251.491	1.608.748.565

02. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Chứng khoán kinh doanh	29.588.993.947	35.113.846.586
+ Niêm yết	23.291.002.005	8.135.545.000
+ Chưa niêm yết - Upcom	6.297.991.942	26.978.301.586
b. Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	29.588.993.947	35.113.846.586

Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư :

	Số cuối năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số đầu năm
i. Chứng khoán kinh doanh (*)				
+ Niêm yết	23.291.002.005	25.805.511.586	10.650.054.581	8.135.545.000
+ Chưa niêm yết	6.297.991.942	2.347.310.000	23.027.619.644	26.978.301.586
ii. Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	-	-
Cộng	29.588.993.947	28.152.821.586	33.677.674.225	35.113.846.586

(*) Chi tiết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Nguyên giá	Số lượng	Nguyên giá
I. Chứng khoán kinh doanh	2.399.312	29.588.993.947	2.840.277	35.113.846.586
- Cổ phiếu - Chứng khoán niêm yết				
DBD	173.937	7.334.374.905	154.350	8.135.545.000
NAB	1.985.716	14.361.627.100	-	-
RYG	110.000	1.595.000.000	-	-
- Cổ phiếu - Chứng khoán chưa niêm yết				
BMS	59	-	54	-
DCF	129.600	6.297.991.942	85.700	4.407.790.000
NAB	-	-	2.600.173	22.570.511.586
II. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	-
Tổng cộng	2.399.312	29.588.993.947	2.840.277	35.113.846.586

03. Các khoản phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
3.1. Phải thu khách hàng	80.250.000	-
- Phải thu về giao dịch chứng khoán đầu tư	80.250.000	-
3.2. Trả trước người bán	10.000.000	-
+ Cty TNHH Công Nghệ Truyền Thông Cảnh Cam	10.000.000	-
3.3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	498.447.054	52.724.748
- Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	257.135.107	52.724.748
+ Quỹ đầu tư trái phiếu Lighthouse - LHBF	105.196.531	52.724.748
+ Quỹ đầu tư năng động Lighthouse - LHDCF	151.938.576	-
- Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	241.311.947	-
+ Khách hàng cá nhân	241.311.947	-
3.4. Phải thu khác	4.040.530	-
+ Khoản chi hộ các Quỹ	4.040.530	-
3.5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	-	-
Cộng	592.737.584	52.724.748

04. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí trả trước ngắn hạn	111.239.313	125.741.608
- Tạm ứng	-	9.000.000
Cộng	111.239.313	134.741.608

05. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Phát sinh tăng	Kết chuyển vào CPSX trong năm	Số đầu năm
- Thiết bị văn phòng	44.739.028	43.869.091	127.151.906	128.021.843
- Sửa chữa văn phòng	-	-	151.980.774	151.980.774
- Dịch vụ công nghệ thông tin	16.325.332	28.680.000	19.674.668	7.320.000
- Bộ phận thương hiệu	-	-	1.888.904	1.888.904
- Sử dụng tên miền	1.666.663	2.400.000	821.337	88.000
- Khác	17.066.668	25.600.000	8.533.332	-
Cộng	79.797.691	100.549.091	310.050.921	289.299.521

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
- Số dư đầu năm	155.870.000	-	141.876.500	297.746.500
- Số tăng trong năm		-	-	-
- Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Số dư cuối năm	155.870.000	-	141.876.500	297.746.500
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Số dư đầu năm	89.144.160	-	59.824.583	148.968.743
- Khấu hao trong năm	31.173.984	-	28.375.296	59.549.280
- Giảm trong năm				
- Số dư cuối năm	120.318.144	-	88.199.879	208.518.023
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	66.725.840	-	82.051.917	148.777.757
- Tại ngày cuối năm	35.551.856	-	53.676.621	89.228.477

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
- Số dư đầu năm	570.000.000	1.048.500.000	1.618.500.000
- Số tăng trong năm	96.000.000	50.000.000	146.000.000
. Mua sắm mới	96.000.000	50.000.000	146.000.000
- Số giảm trong năm	-	-	-
- Số dư cuối năm	666.000.000	1.098.500.000	1.764.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
- Số dư đầu năm	219.311.821	198.300.535	417.612.356
- Khấu hao trong năm	119.866.667	217.588.274	337.454.941
. Khấu hao trong năm	119.866.667	217.588.274	337.454.941
- Số dư cuối năm	339.178.488	415.888.809	755.067.297
Giá trị còn lại			
- Tại ngày đầu năm	350.688.179	850.199.465	1.200.887.644
- Tại ngày cuối năm	326.821.512	682.611.191	1.009.432.703

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31/12/2024

08. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ ký cược dài hạn

- Công ty CP đầu tư SB Space 65
 - + Tiền cọc thuê văn phòng
- Công ty TNHH TM và Tiếp vận Đại Dương Xanh
 - + Tiền đặt cọc thuê xe
- Khác

Cộng

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
187.200.000	187.200.000
1.900.000.000	-
420.000	420.000
<u>2.087.620.000</u>	<u>187.620.000</u>

09. Phải trả người bán

- CTCP Fincorp
- Cty TNHH MTV viễn thông quốc tế FPT
- CTCP phần mềm Bravo

Cộng

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
-	-
-	48.802
-	-
<u>-</u>	<u>48.802</u>

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế Giá trị gia tăng
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp
- Thuế Thu nhập cá nhân

Cộng

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
-	-
133.998.554	209.163.967
132.375.290	51.154.413
<u>266.373.844</u>	<u>260.318.380</u>

11. Chi phí phải trả

- Chi phí phải trả khác

Cộng

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
36.763.818	80.505.335
<u>36.763.818</u>	<u>80.505.335</u>

12. Phải trả, phải nộp khác

- Kinh phí công đoàn
- Phải trả khác - UBCKNN

Cộng

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
18.869.856	13.100.325
5.000.000	5.000.000
<u>23.869.856</u>	<u>18.100.325</u>

13. Nguồn vốn chủ sở hữu:

a **Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu:**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	25.000.000.000	-	-	133.006.116	1.833.862.345	26.966.868.461
Tăng vốn trong năm trước	10.000.000.000	-	-	-	1.224.856.496	11.224.856.496
- Góp vốn (*)	10.000.000.000	-	-	-	-	10.000.000.000
- Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	1.224.856.496	1.224.856.496
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	(36.999.587)	(36.999.587)
- Giảm do trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	(36.999.587)	(36.999.587)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	35.000.000.000	-	-	133.006.116	3.021.719.254	38.154.725.370
Số dư đầu năm nay	35.000.000.000	-	-	133.006.116	3.021.719.254	38.154.725.370
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	1.291.762.286	1.291.762.286
- Vốn góp trong năm	-	-	-	-	1.264.762.286	1.264.762.286
- Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	27.000.000	27.000.000
- Tăng khác	-	-	-	-	(122.485.650)	(122.485.650)
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
- Giảm do trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	(122.485.650)	(122.485.650)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	35.000.000.000	-	-	133.006.116	4.190.995.890	39.324.002.006

Ghi chú:

(*) Công ty tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐQT ngày 18/08/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty và đã được công bố thông tin Số 42/2023/CBTT-LHC ngày 21/8/2023 về Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Báo cáo số 38/2023/BC-LHC ngày 21/08/2023 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Lighthouse.



13. Nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo):

b. Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Số lượng cp đăng ký phát hành	3.500.000	2.500.000
+ Số lượng cp đã phát hành	3.500.000	3.500.000
Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Số lượng cp được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Số lượng cp đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cp

c. Chi tiết nguồn vốn kinh doanh tại 31/12/2024

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp/ Tổng vốn điều lệ
- Pháp nhân	-	-	0%
- Cá nhân	3.500.000	35.000.000.000	100%
Tổng	3.500.000	35.000.000.000	100%

Danh sách chủ sở hữu tại ngày 31/12/2024	31/12/2024	31/12/2023
- Hồ Hoàng Lâm	14.077.000.000	14.077.000.000
- Nguyễn Lê Đình Quang	14.091.000.000	-
- Nguyễn Thị Duy Thuyết	6.832.000.000	3.416.000.000
- Các cổ đông khác	-	17.507.000.000
Cộng	35.000.000.000	35.000.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH:

01. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu hoạt động quản lý quỹ	1.207.380.217	569.396.784
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	241.311.947	69.720.489
- Doanh thu khác	108.665.514	-
Cộng	1.557.357.678	639.117.273

02. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	-	50.435.000
Cộng	-	50.435.000

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	5.321.388	4.194.945
- Lãi đầu tư tài chính	10.079.015.515	8.732.364.162
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	18.400.000
Cộng	10.084.336.903	8.754.959.107

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	15.218.154	-
- Chi phí tài chính khác	70.487.213	68.780.055
Cộng	85.705.367	68.780.055

05. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.232.297.627	4.320.606.633
Chi phí đồ dùng văn phòng	300.739.180	412.232.329
Chi phí khấu hao tài sản cố định	397.004.221	420.511.658
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.496.375.069	1.728.721.975
Chi phí bằng tiền khác	536.327.586	891.960.930
Cộng	9.962.743.683	7.774.033.525

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31/12/2024

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản, CCDC	-	52.095.144
Thu nhập liên quan hoạt động thu hộ Ngân hàng uỷ thác	-	102.708.284
Thu nhập khác	13.580.236	-
Cộng	13.580.236	154.803.428

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý tài sản, CCDC	-	-
Chi phí liên quan hoạt động chi hộ ngân hàng uỷ thác	-	102.738.284
Chi phí khác	11.841.952	-
Cộng	11.841.952	102.738.284

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận trước thuế	1.594.983.815	1.552.892.944
Điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận	56.123.832	87.289.298
- Các khoản điều chỉnh tăng	56.123.832	105.689.298
+ Chi phí khác không chứng từ, hoá đơn	56.123.832	105.689.298
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	18.400.000
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	18.400.000
Lỗi các năm trước chuyển sang	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.651.107.647	1.640.182.242
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	330.221.529	328.036.448
Thuế TNDN được miễn giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	330.221.529	328.036.448

09. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.264.762.286	1.224.856.496
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế (*)	-	122.485.650
- Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.500.000	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	361	315

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi là số liệu trích bổ sung sau Đại hội đồng cổ đông hằng năm.

10. Các hoạt động nghiệp vụ phát sinh:

10.1. Hoạt động quản lý quỹ

- Tổng số Quỹ đang thực hiện quản lý (*)	:	2	quỹ
- Tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ đang thực hiện quản lý tại ngày 31/12/2024	:	148.906.551.823	đồng
+ Quỹ Đầu tư Trái phiếu Lighthouse - LHBF	:	88.654.414.930	đồng
+ Quỹ Đầu tư Năng động Lighthouse - LHDCF	:	60.252.136.893	đồng
- Số lượng Quỹ lập trong năm	:	1	quỹ
- Phí quản lý quỹ thu được trong năm	:	1.207.380.217	đồng

Ghi chú (*):

i. Quỹ đầu tư trái phiếu Lighthouse - LHBF

Quỹ đầu tư trái phiếu Lighthouse được chào bán theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 304/GCN-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/09/2022 và Giấy chứng nhận Đăng ký lập quỹ đại chúng số 71/GCN-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2022, cụ thể:

- Tên quỹ	:	Quỹ Đầu tư Trái phiếu Lighthouse
- Công ty quản lý quỹ	:	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Lighthouse
- Tên tiếng Anh	:	Lighthouse Capital Bond Fund
- Tên viết tắt	:	LHBF
- Ngân hàng giám sát	:	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Vốn điều lệ quỹ	:	50.435.000.000 đồng
- Bằng chữ	:	Năm mươi tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng
- Số chứng chỉ quỹ	:	5.043.500 chứng chỉ.
- Mệnh giá chứng chỉ quỹ	:	10.000 (mười nghìn) đồng/chứng chỉ quỹ
- Loại quỹ đầu tư chứng khoán	:	Quỹ mở
- Thời hạn hoạt động quỹ	:	Không xác định

ii. Quỹ đầu tư năng động Lighthouse - LHDCF

Quỹ đầu tư năng động Lighthouse được chào bán theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 20/GCN-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/03/2024 và Giấy chứng nhận Đăng ký lập quỹ đại chúng số 54/GCN-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/05/2024, cụ thể:

- Tên Quỹ	:	Quỹ Đầu Tư Năng Động Lighthouse
- Công ty Quản lý Quỹ	:	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
- Tên tiếng Anh	:	Lighthouse Capital Dynamic Fund
- Tên viết tắt	:	LHDCF
- Ngân hàng giám sát	:	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Vốn điều lệ quỹ	:	51.184.042.953 đồng
- Bằng chữ	:	Năm mươi một tỷ, một trăm tám mươi bốn triệu, không trăm bốn mươi hai ngàn, chín trăm năm mươi ba đồng.
- Số chứng chỉ quỹ	:	5.118.404,29 chứng chỉ
- Mệnh giá chứng chỉ quỹ	:	10.000 (mười nghìn) đồng/chứng chỉ quỹ
- Loại quỹ đầu tư chứng khoán	:	Quỹ mở
- Thời hạn hoạt động quỹ	:	Không xác định

10. Các hoạt động nghiệp vụ phát sinh: (tiếp theo)

10.2. Hoạt động nhận ủy thác đầu tư chứng khoán

- Tổng số hợp đồng đang thực hiện quản lý			
+ Còn hiệu lực	:	01	hợp đồng
+ Đã thanh lý	:	-	hợp đồng
- Tổng số vốn nhận ủy thác			
+ Còn hiệu lực	:	28.350.000.000	đồng
+ Đã thanh lý	:	-	đồng
- Phí quản lý thu được trong kỳ	:	241.311.947	đồng
Trong đó:			
+ <i>Phí quản lý</i>	:	241.311.947	đồng
+ <i>Thuông</i>	:	-	đồng

Tài sản và khoản phải thu của Hợp đồng ủy thác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Danh mục đầu tư		
- Cổ phiếu niêm yết		-
+ <i>Giá trị hợp đồng</i>	28.350.000.000	
+ <i>Giá trị thị trường</i>	28.066.500.000	
Giá trị tài sản ròng nhà đầu tư	<u>28.066.500.000</u>	<u>-</u>
Tiền gửi ngân hàng nhà đầu tư	1.196.845	-
Các khoản phải trả nhà đầu tư	243.265.587	
Phí quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	241.311.947	-
Phí lưu ký của ngân hàng	1.426.330	
Phí lưu ký của VSDC	527.310	

10.3. Hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán : Không phát sinh

10.4. Các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ : Không phát sinh



11. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

	Năm nay	Năm trước
11.1. Bố trí cơ cấu tài sản:		
- Tài sản cố định/ Tổng tài sản (%)	8,24%	4,72%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	91,76%	95,28%
11.2. Tỷ suất sinh lợi:		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	81,21%	191,65%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	3,22%	3,21%
11.3. Tình hình tài chính:		
- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản (%)	1,95%	1,50%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn (%)	4.625,69%	6.310,58%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/ Tổng vốn chủ sở hữu)	2,79%	3,54%

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan bao gồm:

- Các thành viên của Hội đồng quản trị,
- Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc,
- Các thành viên của Ban Kiểm soát nội bộ, Ban Kiểm toán nội bộ,
- Các bên liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

- Tổng thu nhập từ tiền lương của các thành viên chủ chốt trong năm 2024 là: 1.733.828.320

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm 2024 Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan trong quá trình hoạt động kinh doanh.

02 . Công cụ tài chính:

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện theo hướng dẫn về việc không trình bày và thuyết minh công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

03 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Bùi Thuý Hoà

Bùi Thuý Hoà

Nguyễn Lê Đình Quang